

KHỔNG GIÁO HÀN QUỐC VÀ CON NGƯỜI

CHUNG YONGHWAN (*)

PARK GOO YONG (**)

GANG GYUYEO (***)

Bài viết phân tích quan niệm của Khổng giáo về con người, về người quân tử qua hai đại biểu là Mạnh Tử với thuyết nội tâm và Tuân Tử với thuyết ngoại tâm. Theo tác giả, Khổng giáo Hàn Quốc đã tạo dựng người quân tử theo lối giáo dục và thi cử của Khổng giáo. Để duy trì sức sống của mình, Khổng giáo Hàn Quốc, như tác giả nhấn mạnh, cần nỗ lực tái cấu trúc đạo lý tôn trọng người khác mà Khổng Tử đã đưa ra qua khái niệm con người, đặc biệt cần phân tích sâu hơn khái niệm nhân tính của Khổng giáo như là sự quan tâm hay tôn trọng người khác.

1. Nhân (Man, Ren, Ingan)

Hầu như không có sai lệch quá lớn khi dịch "man" trong tiếng Anh thành "mensch" trong tiếng Đức, cũng như khi dịch từ "ren" trong tiếng Trung thành "saram" trong tiếng Hàn. Sở dĩ như vậy vì giữa những quốc gia này từ lâu đã có sự trao đổi văn hoá. Tuy nhiên, sẽ là nhầm lẫn lớn khi dịch từ "man" và "mensch" sang tiếng Hàn thành "saram". Nhất là nghĩa của từ "saram" xét trong bối cảnh của Khổng giáo không bao hàm những nghĩa tương tự của từ "man" và "mensch" của chủ nghĩa nhân văn phương Tây trong thế kỷ XVIII. Để sự hiểu nhầm giữa chủ nghĩa nhân văn phương Tây hiện đại và Khổng giáo truyền thống giảm xuống mức thấp nhất, từ "man" và "mensch" phải được dịch thành "ingan", với nghĩa là thế giới con người.

Từ "ingan" có cội nguồn từ Phật giáo. ở Phật giáo, nó không mang nghĩa là "ren" hay "man", mà là một trong năm

hình thức của thế giới theo thuyết luân hồi về vạn vật. "Ingan" hay "segan" là thế giới con người, nó khác với những thế giới khác, như địa ngục, ma đói, loài vật và thiên đình. Nói cách khác, trong Phật giáo từ "ingan" hàm chứa ý nghĩa siêu hình học để phân biệt với thế giới sống khác.

Tại sao hầu hết mọi người đều dịch từ "man" thành "ingan" trong tiếng Hàn? Thực ra, từ gần nghĩa với từ "man" là "ren" hoặc "saram" hơn là từ "ingan". Song, có điều khi dịch "man" là "ren" hay "saram" thì quan điểm phương Tây hiện đại về con người nhất thiết phải tương thích với hàm ý Khổng giáo về "ren" hay "saram" ở chừng mực nhất định nào đó. Vì vậy, những học giả Đông Á lựa chọn từ "ingan" để thúc đẩy

(*) Tiến sĩ, giảng viên Khoa Triết học, Trường Đại học Quốc gia Chonnam.

(**) Giáo sư Khoa Triết học, Trường Đại học Quốc gia Chonnam.

(***) Nghiên cứu sinh Khoa Triết học, Trường Đại học Quốc gia Chonnam.

sự giao tiếp qua lại giữa nghĩa của từ “*man*” (con người) của phương Tây hiện đại và nghĩa truyền thống của “*ren*” hay “*saram*”. Do vậy, khái niệm “*ingan*” là sự sáng tạo, kết quả của nỗ lực thừa nhận lẫn nhau giữa tư tưởng Đông Á và tư tưởng phương Tây hiện đại.

Sự giao tiếp và sự thừa nhận lẫn nhau tạo ra không gian ngữ nghĩa mới hay sự hiệu hữu liên thông (inter-being) hoặc hiện hữu trong thế giới liên thông (inter-world) cho các thuật ngữ *man* (con người) hay *ingan*. Cũng còn do đặc tính của “*gan*” trong tiếng Trung có nghĩa là một tia sáng xuyên qua khe cửa và ánh sáng này là điều kiện thiết yếu cho muôn vật tồn tại. Do vậy, *man* (con người) với nghĩa là “*ingan*” duy trì cuộc sống của mình khi anh ta sống hòa nhập với đồng loại và các loài khác. Nói cách khác, con người là một hiện hữu năng động tồn tại trong các mối quan hệ liên chủ thể.

Khổng giáo truyền thống Hàn Quốc, với tư cách hệ tư tưởng chính thống và duy nhất trong triều đại Chosun (1392-1910) bị phê phán là lạc hậu và phi lý khi giá trị phương Tây hiện đại du nhập vào Hàn Quốc. Rõ ràng, Khổng giáo truyền thống bị giam hãm bởi sự chuyên quyền độc đoán trong sự cấu kết với quyền lực chính trị. Tại thời điểm đó, các tư tưởng khác như Lão giáo, Phật giáo, Pháp gia và Dương Minh học (Vương Dương Minh) bị đẩy ra ngoài lề. Tính luận Khổng giáo (Confucian essentialism) không thể thoát khỏi cách nhìn phiến diện, bởi nó phớt lờ các mối

giao tiếp liên chủ thể với các dòng tư tưởng khác. Mẫu người quân tử như lý tưởng của Khổng giáo giống như hoa thủy tiên bị mê hoặc bởi hình ảnh của bản thân mình khi loại trừ những người khác và không có sự giao tiếp liên chủ thể. Do vậy, tân Khổng giáo của thế kỷ XXI phải bắt đầu từ sự nhận thức về nền tảng của sự giao tiếp liên chủ thể với những tư tưởng khác.

2. Người quân tử trong Khổng giáo: Mạnh Tử và Tuân Tử

Mối quan tâm cơ bản của Khổng giáo truyền thống Hàn Quốc nằm ở sự tôn trọng nhân tính, thậm chí, nó còn thể hiện xu hướng của thuyết con người là trung tâm. Theo cuốn *Shuowenjezi*, cuốn từ điển chính thống về đặc tính người Trung Quốc, con người được xem là cao quý nhất trong vũ trụ. Khổng giáo truyền thống Hàn Quốc cũng cho rằng, con người là cao quý nhất trong vạn vật bởi có năm mối quan hệ xã hội(1).

Vậy, làm thế nào để những người bình thường có thể trở thành người quân tử? Có hai cách khác nhau, một là thuyết đạo đức về tính thiện bẩm sinh của Mạnh Tử (372-289 TCN.) và hai là thuyết tính ác của Tuân Tử (298-238 TCN.). Mạnh Tử một mực cho rằng, con người có thể trở thành người quân tử nếu anh ta phát triển bản chất bẩm sinh của mình. Trong khi đó, Tuân Tử lại khẳng định con người có thể trở thành người quân tử nếu biết triển khai

(1) Do Seong Baikhyo dịch. *DongmongSeon Seup và Gyokmongyo gyo*. Hàn Quốc, Nxb Jeuntongmun hwa yeonguha, 2006.

(hiện thực hóa) trọn vẹn hình mẫu Nho giáo đích thực mà những nhà hiền triết trong lịch sử đã sáng tạo ra.

Thuyết nội tâm của Mạnh Tử, đã được kế thừa và phát triển trong tân Khổng giáo ở triều đại Chosun, bàn về các giá trị như là sự biểu lộ của các đức hạnh nội tại và bẩm sinh. Theo thuyết nội tâm, cơ thể con người hàm chứa tâm và tâm hàm chứa bản chất. Cử chỉ, sắc thái, giọng nói của con người là sự biểu hiện bên ngoài của cái tâm nội tại. Vì vậy, "Con người (của mắt) không hề biết giấu giếm sự tà ác của người. Trong lòng chính đại, thì con người sáng rõ"(2). Mạnh Tử cho rằng, con người có thể trở thành thánh nhân một khi nuôi dưỡng tốt bản chất của mình, vì vốn bẩm sinh mỗi người đã có mầm mống của nhân, nghĩa, lễ và trí(3). Giá trị nội tại của bản tính con người có thể được triển khai tới tâm thức, thân (cơ thể), gia đình, hàng xóm, thế giới và vũ trụ của con người. Sự biểu lộ của các đức hạnh nội tại tương hợp với sự hiện thực hóa của sự vật bên ngoài, vì bản chất con người tương giao với sự vật bên ngoài. Khái niệm con người được hiểu là sự hài hòa giữa sự biểu lộ chủ thể và hiện thực hóa của khách thể theo Khổng giáo không thể là sự tìm kiếm ham muốn của mình, mà là sự tồn tại chủ thể tìm kiếm sự hài hòa với sự vật bên ngoài. Trương Tải (1020-1077), một tên tuổi danh tiếng của tân Khổng giáo thời Bắc Tống, đã nói: "Trời là cha tôi, Đất là mẹ tôi; thậm chí ngay cả một sinh linh nhỏ bé, tôi cũng tìm được một

nơi giữa chúng. Có lẽ vì vậy cái trần đầy vũ trụ tôi xem nhà là thân thể tôi, cái điều khiển vũ trụ tôi xem như là bản chất của tôi. Tất thấy mọi người đều là anh chị em của tôi, tất thấy mọi vật đều là bạn hữu của tôi"(4). Quá trình tìm kiếm một nguyên lý căn bản của vũ trụ và quá trình hiện thực hóa vai trò của mỗi cá nhân không thể tách rời, vì cái toàn thể hay vũ trụ và cái riêng hay cá nhân con người phụ thuộc lẫn nhau. Con người, theo Khổng giáo, có thể làm chủ được các cảm giác vui sướng, giận dữ, đau khổ, hay thích thú một cách đúng mực vì bản chất con người thống nhất với vạn vật. Yulgok Yiyi (1536-1584), một trong những tên tuổi danh tiếng nhất của tân Khổng giáo ở triều đại Chosun, cho rằng "cơ thể con người giống như một cái bình và bản chất con người thì giống như nước ở trong đó. Vì thế, bậc thánh nhân giống như trạng thái nước trong cái bình sạch; một người bình thường thì như nước trong một cái bình không sạch, và một người tầm thường thì như nước trong một cái bình hoàn toàn bẩn, và loài vật được xem như là một thứ nước đục không thể nào gột rửa. Vì thế, thánh nhân là người có thể tạo nên sự hài hòa cảm xúc với bản chất của mình"(5). Sâu xa hơn, con người có thể

(2) Mạnh Tử. *Ly lâu*, tập1, chương 15.

(3) Mạnh Tử. *Cáo tử*, tập1, chương 6.

(4) Zhang Zai. *Western Inscription*, trong *Zhang Zaiji*. Nxb Zhonghwashuju, 1978.

(5) Yiyi, Yulgok jeonso, chương 14, *Argument on Mind, Nature and Feelings*/Luận về tinh thần, bản chất và cảm giác" ([http:// www.minchu. or.kr](http://www.minchu.or.kr)).

đạt đến sự hài hoà mang tính toàn thể (đại hòa) thông qua việc hiện thực hóa bản chất của mình trong các bối cảnh đa dạng bên ngoài, như gia đình, hàng xóm, quốc gia và vũ trụ.

Tuy nhiên, vấn đề của thuyết nội tâm của Mạnh Tử là sự khái quát hóa giản đơn nhằm thiết lập chương trình định sẵn cho cuộc đời con người. Làm sao thuyết nội tâm của Mạnh Tử có thể đưa ra lời giải thỏa đáng cho vấn đề hiện nay, như nhân bản vô tính trên con người, nạo phá thai, sản xuất bom nguyên tử với mục đích tự vệ. Những vấn đề phức tạp nhất về đạo đức phải được quyết định thông qua đối thoại và thảo luận.

Tương phản với thuyết nội tâm của Mạnh Tử, thuyết ngoại tâm của Tuân Tử cho rằng cảm giác hay ham muốn của con người là điều kiện thiết yếu của trạng thái tự nhiên không liên quan tới khái niệm về giá trị công cụ được đặt ra bởi kết quả kinh nghiệm. Bản chất con người là bản năng định sẵn với tư cách là quán tính khách quan giống như lực hấp dẫn vũ trụ. Theo ông, tranh giành sẽ xảy ra nếu con người muốn làm theo cảm giác tự nhiên của mình vì bản chất con người là ích kỷ, muốn được hưởng lợi và vui thú. Ông cho rằng, các giá trị con người được tạo ra và có được từ hành vi có tính phương tiện và nhân tạo. Giống như “một người mượn chiếc thuyền và mái chèo không học thêm được kỹ năng mới gì trên sông nước, song ông ta có thể vượt sông và biển cả”(6). Mô hình thánh nhân thường

kinh nghiệm của Khổng giáo có thể làm cho cuộc sống con người có giá trị hơn. Với thuyết ngoại tâm, “việc học của người quân tử thông qua thính giác, lưu giữ trong tâm, lan tỏa qua tứ chi và hiện diện trong hoạt động và nghỉ ngơi. Còn, việc học của kẻ hèn mọn thì lọt vào tai rồi tuôn ra mồm”(7). Theo đó, người quân tử trong quan niệm của Tuân Tử là người rèn luyện chăm chỉ theo văn bản (kinh điển) của thánh nhân trong suốt cuộc đời mình.

Thuyết ngoại tâm của Tuân Tử dựa vào giá trị mang tính kinh nghiệm và phương tiện, mà trong lĩnh vực của kinh nghiệm con người thì tiến trình sáng tạo của tư duy và hành động của con người bị coi nhẹ. Ông khẳng định rằng, giáo lý của Khổng Tử, hệ thống chính quyền và lễ là lối sống tốt nhất; song, cùng với lịch sử con người luôn nỗ lực tìm kiếm cách thức mới của sự trải nghiệm. Hàn Phi Tử (280-233 TCN.), người sáng lập phái Pháp gia của Trung Quốc cổ đại, đã phê phán thuyết ngoại tâm giống như người ngu ngốc luôn chờ vào sự may mắn, giống như người nông dân khờ khạo ôm cây đợi thỏ. Thuyết ngoại tâm của Tuân Tử làm cho phong tục nhàm chán và thiếu hấp dẫn một khi nó được đặt vào vị trí cao nhất trong xã hội.

Mặc dù thuyết nội tâm của Mạnh Tử và thuyết ngoại tâm của Tuân Tử khác

(6) Do John Knoblock dịch, Tuân Tử, tập 1, *An Exhortation to Learning*/Khuyến học, Nxb Đại học Stanford.

(7) *Sđđ.*, tr.140.

nhau về điểm xuất phát của giá trị con người, từ bên trong hay bên ngoài, song cả hai ông đều có điểm chung là tôn trọng khả năng của con người trong việc hiểu cái gì là có giá trị giống với thuyết luật tự nhiên của Locke. Mạnh Tử khẳng định luật tự nhiên bẩm sinh, song ở Tuân Tử luật tự nhiên có tính hệ thống hơn. Tuy nhiên, như chúng ta xem xét ở trên, thuyết nội tâm của Mạnh Tử đề xuất sự khái quát hóa giản đơn về những vấn đề quan trọng của xã hội, còn thuyết ngoại tâm của Tuân Tử thì bị lỗi đối với những trải nghiệm khác mình. Thuyết nội tâm của Mạnh Tử càng lún sâu vào mặt trống rỗng của tinh thần con người do phớt lờ khái niệm của trường phái khác, thì càng lún sâu vào việc mất đi sự nhận ra sắc thái khác nhau của cuộc sống. Thuyết ngoại tâm của Tuân Tử càng cố định với mô hình cụ thể thì càng nhiều người bị biến thành những cỗ máy nhàm chán. Mặc dù giá trị nội tại và công cụ ngoại tại đặt ở bất kỳ vị trí lý tưởng nào, thì người quân tử của Mạnh Tử và Tuân Tử cũng để đam mê vô dụng của mình vào những thứ rỗng tếch, vô nghĩa.

3. Sự độc thoại của người quân tử

Tính luận Khổng giáo (Confucian essentialism) tạo ra người quân tử độc thoại khi con người mô phạm bị quy giản về ngôi thứ ba (the third person). Tính luận Khổng giáo cho rằng, môi trường đa dạng của đời sống con người cần được cai quản bởi “Đức Ngài” (Him) với tư cách bậc thánh nhân hay bởi “Ông Trời” với tư cách thiên lý vì ngôi

thứ ba Khổng giáo có toàn quyền nói về chân lý. Theo *Trung Dung*, một trong những cuốn sách quan trọng nhất của Khổng giáo, “Mệnh trời gọi là *tính*. Noi theo tính là *đạo*. Tu theo *đạo* là *giáo*”(8). Theo đó, chúng ta nhận thấy quá trình tu theo đạo dựa vào những gì mà Trời ban tặng.

Vấn đề lớn trong Tính luận Khổng giáo nảy sinh từ sự kìm hãm tính sáng tạo và ý tưởng của cá nhân nhân danh việc bảo vệ chân lý khách quan của Khổng giáo. Ngôi thứ ba tối cao theo chân lý Khổng giáo loại bỏ cái “Tôi” với tư cách ngôi thứ nhất và “(các) anh” với tư cách ngôi thứ hai ra khỏi giao tiếp triết học. Đại diện của ngôi thứ ba trong Khổng giáo là những văn bản của Khổng giáo do các nhà hiền triết Khổng giáo đề cập tới và bản chất con người mà Mạnh Tử đề xuất. Văn bản kinh điển của Khổng giáo được xem là tiêu chuẩn duy nhất để phát triển đời sống con người. Mặt khác, những văn bản (kinh điển) khác không theo ngôi thứ ba của Khổng giáo bị cho là phi đạo đức, dị giáo, mờ mịt và thấp kém. Cấu trúc câu hỏi trong giải quyết vấn đề được khái quát trong hình thức “nếu nhà hiền triết hay Khổng Tử đối mặt với tình huống khó khăn, ông sẽ nỗ lực điều gì?”. Do vậy, người bình thường phải tuân theo những gì mà nhà hiền triết Khổng Tử nói. *Tứ thư* và *Ngũ kinh* khiến con người biến nhân cách thành

(8) Do Wm.Theodore De Bary biên tập. *Sources of Chinese Tradition*/Nguồn gốc truyền thống Trung Quốc, New York: Nxb Columbia, 1999, tr.334.

ngôi thứ ba với cách văn bản (kinh điển) của Khổng giáo, như *Seodang*, *Hyanggyo* và *Seowon*. Tiến trình thống nhất bản sắc của con người với Khổng giáo bằng việc học tập văn bản (kinh điển) Khổng giáo được ví như “tập bơi trong hồ”. Người quân tử, theo Khổng giáo, được miêu tả như sau:

"Đây là kiểu quân tử tài giỏi và thích trau chuốt

Anh rèn giữa tính khí như việc chặt và giữa ngà voi

Anh tu dưỡng chính bản chất con người anh như việc chạm khắc và đánh bóng ngọc bích

Anh quá thu hút và rộng lượng

Anh quá nghiêm nghị và đứng đắn

Đây là kiểu quân tử tài giỏi và thích trau chuốt

Anh quá ấn tượng và không thể nào dễ dàng bị lãng quên"(9).

Bài tụng ca này xuất phát từ *Kinh thi* thể hiện sự ngưỡng mộ vẻ bề ngoài của người quân tử. Song *Đại học* trích dẫn nó để thể hiện con người đạo đức. Bản thân Khổng Tử là mẫu người quân tử, người đã phát triển toàn vẹn giá trị của mình thông qua sự giáo hóa giống như ngà voi và ngọc bích. Khổng Tử được ví như nhạc cụ văn hóa “một tiếng chuông lớn rung lên tiếng tuyên bố sự khởi đầu của âm nhạc kể từ đây; và hòn đá quý lên tiếng tuyên bố sự kết thúc của nó”(10). Người quân tử có thể đạt đến hình thái văn hoá cao nhất từ việc học tập văn bản (kinh điển) của Khổng giáo. Chuẩn mực Khổng giáo càng lớn mạnh bao nhiêu thì những tư tưởng

khác càng bị loại bỏ bấy nhiêu như là thứ vô giá trị.

AI đó có thể nghĩ rằng thuyết tính thiện bẩm sinh trong bản chất con người của Mạnh Tử cổ súy cho tính chủ thể với tư cách ngôi thứ nhất, không giống thuyết tính ác của Tuân Tử. Dĩ nhiên, Khổng giáo từ Mạnh Tử đến Chu Hy (1130-1200) đều cho rằng bản chất bẩm sinh của con người tương đồng với chân lý khách quan qua việc đưa ra khẩu hiệu “bản chất con người là chân lý khách quan”(11). Tuy nhiên, bản chất con người theo Khổng giáo được cho là ngôi thứ ba, bởi người theo Khổng giáo phải làm theo những quan niệm về bản chất con người của Khổng Tử, mặc dù điều đó được đặt trong suy nghĩ của con người. Những phát biểu về bản chất con người không chỉ là một sự tường thuật hư cấu, mà còn như một sắc luật đã xác định sự truyền ngôn của nó. Một sự bày tỏ của Khổng Tử đã được ghi lại, rằng “tôi có thể làm theo những ham muốn của con tim mà không vượt quá giới hạn”(12), điều đó có nghĩa là có sự thống nhất giữa hành vi và bản chất bên trong con người Khổng Tử. Cả tiếng nói của bản chất con người

(9) Do An Zengcai dịch. *The Book of Songs/Kinh thi*. Nxb Shandong Friendship, 1999, t.1, tr.137. An Zengcai dịch Junzi/người quân tử thành “gentleman”, song tác giả thay đổi thành noble person.

(10) James Legge dịch. *The Chinese Classics/ Các kinh điển Trung Hoa*, t.2, *The Work of Mencius/*, Đài Bắc. Nxb Wen-Shizhe, The Republic of China 61, tr.372.

(11) Zhuxi, mengzijihu, *Tengwengong*, t.1, chương 1.

(12) Theodore De Bary biên tập. *Sources of Chinese Tradition/Nguồn gốc truyền thống Trung Quốc*, New York, Nxb Columbia, 1999, tr.47.

và của nhà hiền triết, theo Khổng giáo, đều giống như ngôi thứ ba với nghĩa họ luôn nói về chân lý tuyệt đối. Bản thân Khổng Tử nỗ lực đạt tới niềm tin từ việc xem văn bản (kinh điển) như là tấm gương của bản chất con người. Theo đó, lý tính cao nhất của hành vi con người tuân theo chứng cứ cá nhân thứ ba rằng “thậm chí một khi Khổng Tử được tái sinh, ông cũng phải hành động như tôi đang làm bây giờ”.

Ngôi thứ ba theo Tính luận Khổng giáo khiến mọi người bắt chước thụ động dẫn đến kìm hãm sự sáng tạo của cá nhân. Ngôi thứ ba khái quát hóa sự phân tách (khu biệt) giữa người sản sinh ra giá trị và người tiếp thu giá trị. Cá nhân bị đẩy xuống thành người tiếp thu giá trị khi họ nhường cảm hứng sáng tạo của mình để biến thành ngôi thứ ba Khổng giáo. Nó tương tự như đặc tính khi người đọc tiểu thuyết do các nhà viết tiểu thuyết chuyên nghiệp sáng tạo ra hay hàng hóa do các công ty lớn sản xuất. Những người theo Tính luận Khổng giáo muốn tái tạo nguyên mẫu cuộc đời Khổng Tử. Việc tuân theo nguyên mẫu điển hình của lịch sử có thể mang lại một số giá trị, song nó khiến con người trở thành nô lệ của tư tưởng lịch sử nếu thiếu tư duy phê phán và sáng tạo. Sin Chaiho (1880-1936), sử gia theo chủ nghĩa dân tộc, đã chỉ ra thiên hướng nô lệ của mọi người như sau:

Lối học thụ động và bắt chước khiến những người theo Tính luận Khổng giáo nói giống hệt những hiền triết tân Nho

giáo đã nói từ trước. Ông ta có môm, song nói những điều mà các hiền triết xưa đã nói; ông ta có óc song nghĩ những điều giống hệt các hiền triết xưa đã nghĩ. Nếu ai đó nói, hành động, có kiểu tóc và phong thái giống như những nhà hiền triết xưa, thì các học giả Khổng giáo gọi họ là những nhà giáo hóa, mọi người gọi họ là các nhà hiền triết Khổng giáo. Đó là những đặc trưng cao nhất của sự nô lệ, song lại được ngưỡng mộ như là cái có giá trị nhất trong xã hội(13).

Như Sin Chaiho đã chỉ ra ở trên, vấn đề nghiêm trọng nhất của ngôi thứ ba Khổng giáo nằm ở thực tế là con người không thể phát triển và nói lên suy nghĩ của riêng mình. Những người theo Tính luận Khổng giáo đẩy người học tư duy triết học dưới sự viện cớ của việc hiện thực hóa tư tưởng vĩ đại của Khổng Tử, Mạnh Tử, và Tuân Tử. Park Eusik (1859-1925), nhà cải cách Khổng giáo danh tiếng, cho rằng thuyết Tính luận Khổng giáo quy những tư tưởng không thiện chí học tập tân Khổng giáo là sự nổi loạn và do vậy, không có thuyết của Tuân Tử không có trường phái tư tưởng nào(14).

Ngôi thứ ba tuyệt đối loại trừ mọi tư tưởng khác biệt dựa vào sự thống nhất giữa bản ngã và văn bản (kinh điển) Khổng giáo. Sự phân tách Khổng giáo

(13) Panjai Sun Chai Ho seon sainggyinom saeop ho, ấn bản đã được chỉnh sửa về những công việc hoàn thành của Danjai Sin Chai Ho, t.2, *Sự bàn luận về việc xuất bản những cuốn sách trước*, 1979, tr.101.

(14) Baikam Park Eun Sik seonsaingjeonjip pyon jip wiwonhoi, *Complete Works of Baikam/Baikam* toàn tập.

hiện đại dẫn tới định kiến văn hóa của sự phân tách giữa Đạo phương Đông và phương tiện phương Tây, giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân. Do vậy, thuyết Tính luận Khổng giáo coi mọi người ở các quốc gia Khổng giáo là ưu việt, trong khi coi những người khác là man di và thấp hèn. Chủ nghĩa đế quốc văn hóa này, cái dẫn tới chính sách bài người phương Tây, đã thống trị Hàn Quốc cận đại, Trung Quốc, và Nhật Bản. Nó loại trừ sự giao tiếp liên chủ thể và tạo nên sự độc thoại Khổng giáo liên quan tới sự phân biệt giữa người quân tử và người thấp hèn.

Khổng giáo Hàn Quốc đã tạo dựng người quân tử theo lối giáo dục của Khổng giáo và người quân tử chiếm vị thế quan trọng trong triều đình thông qua lối thi cử kiểu Khổng giáo. Vòng luân chuyển giữa người quân tử và vị thế quan lại này xoay quanh giáo lý Khổng giáo phủ nhận các kiểu người và giáo lý khác. Theo Park Eunsik, những người theo Tính luận Khổng giáo “không muốn học hỏi từ những người ngờ nghếch khác, song lại nghĩ rằng những người ngờ nghếch đó cần học mình”(15). Dae Won gun (1820-1898), nhà cầm quyền cuối triều đại Chosun, đã sát hại hơn 8000 người Kitô giáo sau khi tuyên bố chính sách cấm Thiên Chúa giáo năm 1866 và ông đã đánh chìm Tàu Mỹ - General Sherman - ở Bình Nhưỡng vào ngày 21 tháng 8 năm 1866. Chính sách bài các giáo lý khác của ông đã dẫn tới kết cục là Hiệp ước bất bình đẳng Kanghwado với Nhật

Bản năm 1876. Thật trớ trêu, Tính luận Khổng giáo của ông đã dẫn tới hậu quả ngược lại là trở thành thuộc địa của Nhật Bản.

Thật có lý khi Đạo giáo phê phán đầu óc hẹp hòi của Khổng giáo. Hukujawa Yukichi (1835-1901), người theo chủ nghĩa tự do hiện đại, cho rằng “có nhiều người ủng hộ chính sách bế quan tỏa cảng kể từ khi mở cảng giao thương với nước ngoài. Song, chúng ta không thể chấp nhận thái độ thiếu khoan dung kiểu “ếch ngồi đáy giếng””(16). Tính luận Khổng giáo đã biến xã hội truyền thống Hàn Quốc thành người quân tử, khiến mọi người lệ thuộc và bị buộc chặt vào ngôi thứ ba.

Người quân tử với tư cách con người lý tưởng là học thuyết dùng để tề gia trị quốc. Khổng giáo tìm kiếm yếu tố căn bản của xã hội từ quan hệ gia đình, vì ý tưởng căn bản của nó dựa vào thực tế quan hệ gia đình quan trọng hơn bất cứ quan hệ xã hội nào khác. Khổng giáo cho rằng, sự tôn trọng người khác xuất phát từ mối quan hệ tốt đẹp giữa cha và con, anh em. Trẻ nhỏ được dạy rằng “không làm tổn hại đến thân thể mình là khởi đầu của lòng hiếu thảo đối với cha mẹ vì thân thể mình là do cha mẹ sinh ra, để lại danh cho đời cũng từ thân thể mình mà ra”(17). Cha mẹ

(15) Park Eun Sik teacher, t.5, *Yugyo gusinlon*, Hàn Quốc, Nxb Thông tin Dongbang, tr.146, 433.

(16) Hukujawa Yukichi, do Nam Sa Young và Sasagawa Goichi dịch, *Recommendation of Learning*, Hàn Quốc, Nxb Sowa, 2003, tr.27.

(17) Sohak và Hyogyong, Hàn Quốc, Nxb Jeon tongmunhwa yeon guhoi, 2003.

mình chính là nền tảng bản thể luận của thân thể mình. Câu hỏi “tôi là ai” được trả lời từ dòng tộc gia đình hơn là nhu cầu và ước vọng cá nhân.

Ý tưởng về người quân tử của Khổng giáo cũng phản ánh trong quan hệ gia đình. Nhóm nam ưu tú có quyền tuyệt đối trở thành người quân tử trong xã hội trọng nam của triều đại Chosun. Theo phép loại suy “nhà cầm quyền = thầy giáo = người cha trong gia đình, thì người quân tử chiếm vị thế cao nhất trong toàn xã hội. Người chồng có bảy quyền tuyệt đối để bỏ vợ khi vợ có thái độ bất tuân phục bố mẹ chồng, không sinh được con trai, ngoại tình, trộm cắp, mắc bệnh hiểm nghèo, ba hoa, mách lẻo. Theo Khổng giáo, người phụ nữ không thể không tuân theo đạo đức của người quân tử nếu không muốn bị xã hội phỉ báng.

Như tôi đã lý giải ở trên, sự ưu việt của nam giới là có quyền sở hữu chân lý Khổng giáo, vì họ có thể đăng ký tham dự kỳ thi của triều đình. Sự ưu việt của nam giới càng gắn với ngôi thứ ba theo giáo huấn của Khổng giáo, thì phụ nữ và người thấp kém càng bị tách xa khỏi chân lý Khổng giáo. Chủ đích của ngôi thứ ba được biểu đạt thông qua nhóm ưu tú Khổng giáo chiếm vị trí siêu việt trong thang bậc giá trị bằng cách bỏ qua bối cảnh của những người phát biểu trong các ngôi khác nhau như “tôi”, “chúng ta” (ngôi thứ nhất) và “(các) anh” (ngôi thứ hai). Nhóm ưu tú Khổng giáo có thẩm quyền cai trị xã hội qua việc đồng nhất họ với lý tưởng

Khổng giáo “Thiên mệnh = bản tính con người = chân lý = tiếng nói của họ”. Họ tin tưởng rằng, vị thế của con người có thể được tạo ra từ sự không ngừng rèn luyện theo giáo huấn ngôi thứ ba Khổng giáo. Người quân tử Khổng giáo duy trì vị thế xã hội của mình bằng chứng chỉ tin cậy của giáo dục Khổng giáo. Dường như các chứng chỉ, xác nhận về bằng cấp và bản quyền đó đảm bảo cho họ những đặc quyền như chuyên gia thực thụ trong xã hội đương thời.

Để khắc phục sự lạm dụng ngôi thứ ba Khổng giáo, thì quyền được lên tiếng dành cho nhiều người khác nhau cần phải được đảm bảo. Trước hết, cần bãi bỏ sự truyền bá mang tính đặc quyền giáo lý Khổng giáo, thừa nhận việc học hỏi từ những tư tưởng khác, mở rộng quyền tiếp cận giáo dục cho mọi người, khuyến khích tư duy sáng tạo và phê phán. Để thực hiện điều này thì việc thảo luận mang tính liên chủ thể về chân lý cần được thực hiện trong Khổng giáo Hàn Quốc giúp cho người thiểu số, phụ nữ, người yếm thế, người bình thường có thể suy tư và lên tiếng. Bởi theo quan điểm triết học liên văn hóa, sẽ là hợp lý hơn khi nhiều hình thức khác nhau trong phát ngôn mang lại một tiếng nói mang tính xuyên - cá nhân, thay vì chỉ có ngôi thứ ba được đặc quyền đồng hóa những tiếng nói của người khác.

4. Khổng giáo và tính liên chủ thể

Theo Michel Foucault, trước thời điểm kết thúc của thế kỷ XVIII, không

hể có khái niệm con người với tư cách một hiện hữu khác thường(18). Ông cho rằng, theo khái niệm hiện đại thì con người là một khách thể, như là một hiện hữu tự nhiên, nhận thức về bản thân trên nền tảng tri thức về tự nhiên cũng như chủ thể của các hành động của mình. Tuy nhiên, xét ở khía cạnh nhận thức luận của thời kỳ cổ đại, chức năng tự nhiên và chức năng của bản chất con người đối lập nhau và đó chính là lý do cả hai khái niệm tạo nên mối quan hệ bổ trợ cho nhau. Do vậy, có thể nói, nhận thức của ông về con người không giống với triết học cổ điển phương Tây. Với Khổng giáo, cả tự nhiên và bản chất con người cũng đối lập nhau, song đồng thời chúng phụ thuộc lẫn nhau ở khía cạnh mặt này không thể hoạt động mà thiếu mặt kia. Trong mối quan hệ này, con người không phải là khách thể tự nhiên để quan sát, mà là chủ thể của việc nhận ra lý tưởng siêu hình học của mình. Vì vậy, cách hiểu của Foucault về con người vừa là khách thể tự nhiên vừa là chủ thể nhận thức đánh dấu sự kết thúc của siêu hình học (19).

Không còn nghi ngờ gì nữa, về mức độ xuất hiện, tính hiện đại khởi phát khi con người bắt đầu tồn tại bên trong cơ thể của mình, bên trong bộ não với tư chi và toàn bộ cấu trúc sinh học của mình; khi con người bắt đầu hiện hữu như là tâm điểm của lao động thì con người bị kiểm soát bởi nguyên tắc của lao động và sản phẩm của lao động vượt ngoài tầm kiểm soát của con người; khi

trao gửi tư tưởng của mình vào ngôn ngữ, (là thứ) tồn tại lâu hơn bản thân con người và cũng không thể làm chủ được hết các ý nghĩa của nó, cho dù các ý nghĩa có thể được tái hiện qua ngôn từ của anh ta. Song, cơ bản hơn, văn hóa của chúng ta vượt qua ngưỡng để nhận ra cái hiện đại của chúng ta khi tính hữu hạn được nhận thức trong sự tham chiếu chéo vô tận với bản thân nó(20).

Khái niệm con người với tư cách biểu tượng của tính hiện đại là sản phẩm của hậu siêu hình học. Theo quan điểm này, cách hiểu siêu hình học Khổng giáo về vũ trụ mang tính đạo đức phụ thuộc vào khái niệm kinh điển. Con người trong tâm lý học luân lý Khổng giáo được hiểu là con người có thể hiện thực hóa được lý tưởng đạo đức của vũ trụ. Do vậy, Khổng giáo không có khái niệm con người với tư cách khách thể và chủ thể nhận thức, bởi nó không có ý thức mang tính nhận thức luận về bản thân mình. Cái quan trọng duy nhất ở Khổng giáo nằm ở sự ưu việt khác nhau của con người thông qua mức độ thực thi luân lý.

Khổng giáo hàm chứa cấu trúc phức tạp để con người luân lý phát triển, song nó không hàm chứa bất cứ khả năng nào cho con người tự nhiên với tư cách động vật để tạo nên kế ước xã hội. Thậm chí,

(18) Michel Foucault. *The order of things*/Trật tự của vạn vật. New York, Nxb Random house, 1973, tr.108.

(19) Michel Foucault. *Sđđ.*, tr.318.

(20) Michel Foucault. *Sđđ.*, tr.318.

sẽ không chính xác khi cho rằng, Khổng giáo bị mê hoặc với chủ nghĩa giáo điều. Chúng ta có thể nhận thấy mầm mống của con người với tư cách một hiện hữu liên thông ở Khổng giáo. Khổng giáo đã nhấn mạnh quy tắc vàng là sự tôn trọng người khác giống như quy tắc vàng của Kitô giáo và mệnh lệnh hành động của Kant phụ thuộc vào triết học nhận thức phương Tây hiện đại. Học thuyết luân lý của Khổng giáo: “cái gì mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác”(21) khiến chủ thể giáo điều tìm kiếm nguyên lý vũ trụ thông qua tư duy phản tư về người khác. Trên tất cả, Khổng giáo không chấp nhận thái độ cứng nhắc của chủ đích tùy tiện, một kế hoạch hấp tấp, tính bú đống bình và ích kỷ(22).

Như tôi đã đề cập ở trên, Khổng giáo tập trung chủ yếu vào con người luân lý. Do vậy, nó đặt con người ngang bằng với hiện hữu luân lý. Khái niệm *nhân* (仁), đức tính quan trọng nhất trong Khổng giáo, định nghĩa luân lý liên quan tới các mối quan hệ nhiều hơn hai người. Jeong Yakyong (1762-1836) cho rằng, Khổng giáo đặt đặc tính con người Trung Quốc về con người/nhân (人) ngang bằng với nhân đức là sự kết hợp con người/nhân và hai(23)/nhị ((二). Con người Khổng giáo có thể là con người luân lý và con người luân lý có thể là người quân tử. Con người Khổng giáo đó với tư cách hiện hữu liên thông này cần được quan sát ở góc nhìn triết học liên văn hóa.

Khổng giáo với hệ tư tưởng dân tộc của triều đại Chosun sử dụng *Tứ thư* và

Tam kinh như là tiêu chí tuyệt đối khi đưa ra quyết định về điều gì đó. Do vậy, Khổng giáo lệ thuộc vào khát vọng mạnh mẽ để hiện thực hóa giáo lý Khổng Tử đưa ra. Nếu vậy, không ai có thể là chủ thể nhận thức luận độc lập để phân tích bối cảnh mới của xã hội hiện đại.

Con người hiện đại Hàn Quốc bắt đầu hiểu giới hạn của mình khi xuất hiện hai luồng tư tưởng. Một số người theo Khổng giáo Hàn Quốc hiện đại nhận ra tính thiết yếu của việc thay đổi mô hình từ lý tưởng suông Khổng giáo thành lý tưởng trọng thực tế. Kết quả là, *thực học* được cổ súy. Hầu hết các học giả trọng thực học, gồm cả Jeong Yakyong như đã đề cập ở trên, nhấn mạnh giao tiếp liên chủ thể với người khác. Đặc biệt, Choi Hangi (1803-1875) đã nỗ lực tạo dựng mô hình mới về triết học của riêng ông –*Gi bằng việc thống nhất* Khổng giáo truyền thống với khoa học phương Tây hiện đại. Tuy nhiên, nỗ lực này của ông đã bị xuyên tạc bởi sự xâm lược của các đế quốc. Phản ứng của Khổng giáo chống lại chủ nghĩa đế quốc bên ngoài bị phân chia thành chủ nghĩa bảo thủ “lưu giữ sự chính đáng và bài trừ sự đồi bại của người khác” và chủ nghĩa cải cách nhanh chóng đổi mới với sự hy sinh cái chủ quan.

(21) Anlects/Luận ngữ, "Yanyuan".

(22) Analects/Luận ngữ, "Zihan".

(23) Jeong Yakyong, YeoYudangejeon seo, t.19, "Bộ sưu tập thơ ca", "Lời phúc đáp Yi Nyeohong", Hàn Quốc, Nxb Yeo Gang, 1989, tr.29-35, JAng Bok Dong; *Học cách rèn luyện của Dasan's*, Hàn Quốc, DHQG Chonnam.

Nghiên cứu phương Đông nhận ra lý tưởng về tính liên chủ thể trong xã hội Chosun trên nền tảng của sự bình đẳng cho tất cả mọi người. Đặc biệt, tính liên chủ thể được cụ thể bằng tiến trình của Chiến tranh nông dân trong nghiên cứu phương Đông. Các chiến binh, gồm những người nông dân, đã phản kháng chống lại chủ nghĩa tự yêu mình thái quá của Khổng giáo và chủ nghĩa đế quốc Nhật, chấp nhận Kitô giáo phương Tây và tư tưởng truyền thống của Khổng giáo, Phật giáo, Đạo giáo. Lý do tại sao nghiên cứu phương Đông có được quan điểm về triết học liên văn hóa có thể nhận thấy ở một thực tế là nó phát triển tư duy của mình trên nền tảng tiếng nói thực sự của nhân dân. Những vấn đề triết học của nó khởi phát với thực tiễn hiện thời của Hàn Quốc và không đắm chìm với một tư tưởng nhất định để giải quyết vấn đề hiện đại. Nó không khiến con người mất đi tính chủ thể của mình bằng việc bị mê hoặc với quyền lực đế quốc hiện đại, và nó không tỏ thái độ thù địch đối với lý tính hiện đại bằng việc chứng minh cho Khổng giáo truyền thống. Con người có thể trở thành đa hiện hữu với tư cách chủ thể của quyền bình đẳng thông qua phong trào nghiên cứu phương Đông và chiến tranh nông dân về nghiên cứu phương Đông.

Khổng giáo Hàn Quốc không thể tiếp tục duy trì sức sống của mình nếu không chấp nhận những đòi hỏi đề cập

ở trên. Để đạt được mục đích này, Khổng giáo Hàn Quốc cần nỗ lực tái cấu trúc đạo lý tôn trọng người khác mà Khổng Tử đã đưa ra qua khái niệm con người. Đặc biệt, cần phân tích sâu hơn tư tưởng của Jeong Yak-yong, tư tưởng xem khái niệm nhân tính của Khổng giáo là sự quan tâm hay tôn trọng người khác. Tuy nhiên, sự thấu cảm hướng tới người khác và tôn trọng người khác của Khổng giáo cần tiếp tục hướng tới tính liên chủ thể, vì nó không thể hiện thực hóa chỉ bởi sự độc thoại của ý thức chủ quan. Tôn trọng người khác, trong ranh giới của triết học ý thức chủ quan, vẫn có xu hướng khách quan hóa người khác với tư cách phương tiện. Theo đó, tính liên chủ thể đúng đắn có thể thực hiện thông qua sự gặp gỡ và giao tiếp giữa các chủ thể hơn là thông qua sự độc thoại nội tại của chủ thể. Trong bối cảnh này, thật khó để nhận thấy khái niệm liên chủ thể trong triết học phương Tây đương đại bị giới hạn trong triết học mang tính nhận thức chủ quan và sự thấu cảm chủ quan Khổng giáo. Để phát triển ý nghĩa của hiện hữu người mang tính liên chủ thể, Khổng giáo đương đại nên chú ý đến tiếng nói của “những người khác ngay trong chúng ta”. □

Người dịch: ThS. PHẠM HÙNG

(Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Khoa học xã hội Việt Nam)

Người hiệu đính: ThS. TRẦN TUẤN PHONG

(Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam)